

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **Y53**/GT-HCCB

Tp.HCM, ngày **18** tháng 07 năm 2023.

Về việc giải trình sự biến động lợi
nhuận sau thuế BCTC riêng Công ty mẹ
quý 2 năm 2023 so với cùng kỳ năm
trước

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (CSV)
Trụ sở chính: 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 38296620 - 38225373
Fax: (028) 38239109 - 38243166
Website: www.sochemvn.com
Email: sbcc@sochemvn.com

Căn cứ báo cáo tài chính riêng công ty mẹ quý 2 năm 2023, Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (mã chứng khoán CSV) xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế BCTC riêng công ty mẹ quý 2 năm 2023 so với quý 2 năm 2022 như sau:

Loại báo cáo	Lợi nhuận sau thuế		Chênh lệch (1) – (2)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
	Quý 2/2023 (1)	Quý 2/2022 (2)		
Báo cáo tài chính riêng công ty mẹ	41.172.650.215	102.609.490.931	-61.436.840.716	-59,87%

Nguyên nhân:

STT	Chỉ tiêu	Quý 2/2023	Quý 2/2022	Chênh lệch
(I)	(II)	(III)	(IV)	(V) = (III) – (IV)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	270.504.304.217	401.344.209.361	-130.806.062.167
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu		33.842.977	-33.842.977
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	270.504.304.217	401.310.366.384	-130.806.062.167
4.	Giá vốn hàng bán	197.247.530.175	258.912.153.594	-61.664.623.419
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.256.774.042	142.398.212.790	-69.141.438.748
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	11.006.469.531	18.824.117.040	-7.817.647.509
7.	Chi phí tài chính	1.153.131.674	2.304.887.895	-1.151.756.221
8.	Chi phí bán hàng	15.877.192.949	20.375.325.186	-4.498.132.237
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.536.820.963	13.943.192.668	1.593.628.295
10.	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	51.696.097.987	124.598.924.081	-72.902.826.094

STT	Chỉ tiêu	Quý 2/2023	Quý 2/2022	Chênh lệch
(I)	(II)	(III)	(IV)	(V) = (III) – (IV)
11.	Thu nhập khác	27.172.033	12.071.500	15.100.533
12.	Chi phí khác	104.617.401	7.559.094	99.058.307
13.	Lợi nhuận khác	-77.445.368	4.512.406	-81.957.774
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.618.652.619	124.603.436.487	-72.984.783.868
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.296.411.478	22.839.885.952	-11.543.474.474
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-850.409.074	-845.940.396	-4.468.678
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	41.172.650.215	102.609.490.931	-61.436.840.716

Lợi nhuận kế toán trước thuế quý 2/2023 giảm 72.985 triệu đồng (tương ứng giảm 58,57%), và lợi nhuận sau thuế quý 2/2023 giảm 61.437 triệu đồng (tương ứng giảm 59,87%) so với cùng kỳ năm trước do một số nguyên nhân chính:

- Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ quý 2/2023 giảm 130.806 triệu đồng (tỷ lệ giảm 32,59%), nguyên nhân chủ yếu do sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chính giảm như: NaOH giảm 11%, HCl giảm 31%, H₂SO₄ giảm 54%; H₃PO₄ giảm 30%, và Javel giảm 16%; bên cạnh đó giá bán bình quân một số sản phẩm chính giảm mạnh như: NaOH giảm 20%, HCl giảm 37%, H₂SO₄ giảm 48%...

- Chi phí giá vốn hàng bán giảm 61.665 triệu đồng (tỷ lệ giảm 23,82%), chủ yếu do sản lượng tiêu thụ trong kỳ giảm.

- Doanh thu hoạt động tài chính so với cùng kỳ năm trước giảm 7.817 triệu đồng (giảm 41,53%), do trong kỳ không phát sinh nhận cổ tức từ công ty con (cùng kỳ năm trước cổ tức nhận được là 15.148 triệu đồng) và lãi tiền gửi tăng 7.331 triệu đồng.

- Chi phí bán hàng giảm 4.498 triệu đồng (giảm 22,08%) do sản lượng tiêu thụ trong kỳ giảm.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 1.594 triệu đồng (tăng 11,43%).

Trên đây là một số nguyên nhân chính, chủ yếu dẫn đến lợi nhuận sau thuế BCTC riêng công ty mẹ quý 2/2023 giảm so với quý 2/2022.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận

- Như trên
- HĐQT, CBTT
- Lưu VT, Thư ký



Lê Thanh Bình